

Bản án số: 17/2019/DS-PT

Ngày 09-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Ông Bích Văn Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dụng Thanh Th, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn BL, xã Ph R Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: 42 C khu dân cư H Th, thôn L A, xã H Th, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Th, sinh năm 1954; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ph H, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. (Theo giấy ủy quyền ngày 10/4/2018)

- Bị đơn: Ông Hồ Văn Nh, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm 1968; (cả hai có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Ph L, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Dụng Thanh Th.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai của ông Dụng Thanh
Th trình bày: Cuối năm 2015, ông Hồ Văn Nh đến gặp ông Dụng Thanh Th xin vay vốn để thực hiện các thủ tục xin lập các dự án như: Nhà máy gạch không nung, xây dựng 2 trại chăn nuôi heo tại xã Ph L, huyện BB, tỉnh Bình Thuận. Ông Nh cho rằng dự án nhà máy gạch không nung sau khi có giấy phép xây dựng sẽ huy động được hàng trăm tỷ đồng tiền vốn từ các Ngân hàng để hoàn thành dự án và đưa vào hoạt động. Ông Nh liên tục đưa ra rất nhiều khoản đầu tư ban đầu thiết yếu để yêu cầu ông Th cho vay làm nhiều đợt với lãi suất hai bên thỏa thuận là 2% tháng. Cụ thể:

- Ngày 17/12/2015 vay 500.000.000đồng
- Ngày 01/01/2016 vay 500.000.000đồng
- Ngày 07/01/2016 vay 500.000.000đồng
- Ngày 27/01/2016 vay 1.900.000.000đồng
- Ngày 02/02/2016 vay 600.000.000đồng
- Ngày 16/02/2016 vay 352.000.000đồng
- Ngày 26/02/2016 vay 600.000.000đồng
- Ngày 15/3/2016 vay 1.027.000.000đồng

Tổng số tiền Ông Nh đứng tên vay là 5.979.000.000đồng (Năm tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng). Lần nhận tiền vay ngày 15/3/2016, Ông Nh nói thời gian này làm rất nhiều việc nên không thường xuyên vào đây được và giới thiệu vợ là bà Nguyễn Thị Huyền L sẽ đến gặp Th đặt vấn đề vay và hai bên chốt lại phần nợ vay đến đây. Chốt ở đây là chốt về thời gian giao dịch giữa Ông Nh với ông Th chứ không phải chốt tổng số tiền.

Sau ngày 15/3/2016, bà Nguyễn Thị Huyền L đến đặt vấn đề vay, Ông Nh không đến nữa. Tính từ ngày 25/3/2016 đến 22/10/2016, bà L đã vay của ông Th, tổng cộng 19 lần với tổng số tiền là 29.706.000.000đồng. Bà L vay tiền nhiều lần nhưng dự án vẫn không thấy Ngân hàng giải ngân, nên ngưng không cho vay nữa. Bà L yêu cầu chốt lại và ghi trả lãi trong thời gian đã vay tổng cộng bao nhiêu sau khi hai bên trao đổi thống nhất trả 35.000.000.000đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng) vào tháng 11/2016 bà L tự ghi lãi 6%/tháng (bà tự tay viết vào giấy nợ nhưng số tiền ông Th ghi). Nhưng từ đó bà L chưa hề trả một đồng vốn nào sau khi ký hợp đồng 35 tỷ đến ngày 22/11/2016 ông Th điện thoại gọi đòi tiền bà L đã trả 3 lần tổng cộng là 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và bà L nói gửi trước tiền lãi (hai lần chuyển khoản là 1.200.000.000đồng và một lần Ông Nh chồng bà L đem đến tiền mặt 300.000.000đồng).

Nay ông Th yêu cầu vợ chồng ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải trả số tiền 40.979.000.000đồng (Bốn mươi tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu

đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th bổ sung tiền lãi yêu cầu vợ chồng Ông Nh, bà L trả lãi từ tháng 3/2016 đến ngày xét xử là 32 tháng với lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn ông Hồ Văn Nh và cũng là người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Huyền L trình bày: Trước đây Ông Nh gặp Dụng Thanh Th ở Ngân hàng (Agribank Chi nhánh TP PT) để đáo hạn Ngân hàng. Th cho Ông Nh vay 4 lần gồm:

- Ngày 09/12/2015 vay 500.000.000đồng vay tiền mặt;
- Ngày 21/12//2015 vay 400.000.000đồng vay tiền mặt;
- Ngày 01/01/2016 vay 500.000.000đồng vay tiền mặt;
- Ngày 07/01/2016 vay 500.000.000đồng vay tiền mặt.

Tổng cộng tiền mặt 1.900.000.000đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng).

Toàn bộ số tiền này Ông Nh đã trả cho ông Th bằng tiền mặt gốc 1.900.000.000đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) không có giấy tờ.

Sau đó ông Th đòi tiền lãi, vợ ông Hồ Văn Nh là bà Nguyễn Thị Huyền L đã trả 2.050.000.000đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) có giấy nộp tiền chuyển khoản có biên lai như sau:

- Ngày 29/11/2016 CK trả tiếp: 500.000.000đ
- Ngày 12/12/2017CK trả tiếp: 700.000.000đ
- Ngày 14/01/2017 biên nhận: 520.000.000đ
- Ngày 25/3/2017 CK trả tiếp: 20.000.000đ
- Ngày 31/3/2017 CK trả tiếp: 150.000.000đ
- Ngày 07/4//2017 CK trả tiếp: 80.000.000đ
- Ngày 14/4/2017 CK trả tiếp: 50.000.000đ
- Ngày 01/6/2017 CK trả tiếp: 30.000.000đ (Hồ Văn Nh trả)

Tổng cộng: 2.050.000.000đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)

Vợ chồng Ông Nh xác nhận có nợ của ông Th với tờ chốt nợ là 1.027.000đồng (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng). Hiện nay vợ chồng Ông Nh chưa trả tiền này cho ông Th vì hồ sơ đang giải quyết tại Công an tỉnh Bình Thuận số nợ mà Dụng Thanh Th tự dựng lên để khởi kiện lấy những tờ hợp đồng vay đã trả rồi để khởi kiện. Số tiền Th khởi kiện tự Th điền vào.

Đối với các giấy hợp đồng vay đứng tên Nguyễn Thị Huyền L là tiền vay từ hợp đồng vay của Hồ Văn Nh chuyển qua bà L trả lãi chồng lên cách 10 ngày là nhân lãi lên nên có số lẻ, chứ không phải hợp đồng cho vay. Chị L ký vào các giấy hợp đồng cho vay do một số người bên ông Th đến gây áp lực và buộc phải ký. Vào ngày 22/10/2016, anh Th có mời chị L vào nhà anh Th đưa hợp đồng

cho vay đánh máy sẵn bảo chị L ghi và ký tên để ông Th tính lại số tiền đã chốt vào ngày 15/3/2016 lúc đó chị L bị ép ký, vì có số anh em giang hồ mà anh Th thuê đến để uy hiếp buộc phải ký. Chị L ghi và ký tên chấp nhận tính lãi 6%/tháng nhưng số tiền do ông Th tự ghi là 35.000.000.000đồng và ghi bằng chữ. Vợ chồng Ông Nh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ mà ông Th chốt lại là 1.027.000.000đồng và tính lãi suất theo Ngân hàng nhà nước qui định từ tháng 4/2016 đến ngày Tòa xét xử. Số tiền còn lại đề nghị Tòa xem xét vì thực tế đây là lãi, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện BB đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 23/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dụng Thanh Th về việc buộc ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải trả cho ông Dụng Thanh Th số tiền gốc là 1.027.000.000đồng và lãi 287.560.000đồng. Tổng cộng 1.314.560.000đồng (Một tỷ ba trăm mười bốn triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dụng Thanh Th số tiền gốc và lãi 1.314.560.000đồng (Một tỷ ba trăm mười bốn triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

Về án phí:

- Ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải nộp 51.436.800đồng án phí DSST.

- Ông Dụng Thanh Th phải nộp 165.595.230 đồng án phí DSST nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.244.000đồng theo biên lai thu tiền số 0015620 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án Huyện BB. Ông Th còn phải nộp 128.351.230đồng án phí DSST.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ do chậm thi hành án, các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn ông Dụng Thanh Th kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Dụng Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB, buộc ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải trả cho ông số tiền 35 tỷ 685 triệu đồng, trong đó số tiền Ông Nh vay là 5.979.000.000 đồng, bà L vay 29.706.000.000 đồng, cùng lãi suất 1,66%/tháng.

- Bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai tại hồ sơ thể hiện bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, chỉ chấp nhận hiện còn nợ bị đơn 1.027.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị số 413/KN-VKS ngày 19/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về áp dụng tính lãi suất: Trong vụ án này, giao dịch dân sự giữa ông Dụng Thanh Th và vợ chồng ông Hồ Văn Nh được xác lập từ cuối năm 2015 đến năm 2016, trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết nhưng bản án sơ thẩm căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất 0,875%/tháng trên số tiền 1.027.000.000 đồng là không phù hợp, đã vi phạm điểm c khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và dẫn đến việc tuyên về án phí sai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị này của Viện kiểm sát.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đối với kháng cáo của nguyên đơn về khoản tiền đã cho vợ chồng Ông Nh, bà L vay: Đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ do Ông Nh ký nhận và thừa nhận có nợ nhưng không chứng minh được việc trả nợ với ông Th là 1.000.000.000 đồng. Các khoản vay còn lại, án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các hợp đồng vay của bà L với số tiền 29.706.000.000 đồng và 6 hợp đồng của Ông Nh vay với số tiền 4.979.000.000 đồng là chưa phù hợp, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm đối với phần giải quyết các khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Dụng Thanh Th khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L trú tại thôn 4, xã Ph L, huyện BB, tỉnh Bình Thuận trả khoản tiền 40.979.000.000đồng (Bốn mươi tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng), trong đó phần Ông Nh vay nợ 5.979.000.000 đồng, phần bà L vay nợ 35 tỷ đồng và tiền lãi từ tháng 3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32 tháng với lãi suất 1,66%/tháng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay” là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dụng Thanh Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Dụng Thanh Th yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải trả khoản tiền 40.979.000.000 đồng, trong đó phần vay của ông Hồ Văn Nh là 5.979.000.000 đồng, phần vay của bà Nguyễn Thị Huyền L là 35 tỷ đồng, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 2% tháng. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo ông Dụng Thanh Th chỉ yêu cầu Ông Nh, bà L trả cho ông 35 tỷ 685 triệu đồng tiền gốc và lãi suất 1,66%/tháng, trong đó phần vay của Ông Nh là 5.979.000.000 đồng, phần vay của bà L là 29 tỷ 706 triệu đồng.

Bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L khai tại hồ sơ rằng vợ chồng ông chỉ vay của Dụng Thanh Th 04 lần với số tiền 1.900.000.000 đồng từ ngày 09/12/2015 đến ngày 07/01/2016. Sau đó, vợ chồng ông đã trả tiền gốc 1.900.000.000 đồng và tiền lãi khoảng 03 tỷ đồng. Đến ngày 15/3/2016, ông Th tính toán lại chốt nợ cho rằng vợ chồng ông còn nợ Th 1.027.000.000 đồng, do đã lỡ vay nên ông chấp nhận còn nợ Th 1.027.000.000 đồng. Sau đó, Th liên tục thúc ép nên vợ chồng ông phải chuyển khoản trả thêm cho Th 2.050.000.000 đồng từ tháng 11/2016 đến tháng 6/2017. Bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L khẳng định không hề nợ Th như số tiền Th đã khởi kiện.

Xét thấy, việc vợ chồng bị đơn ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L vay tiền của Dụng Thanh Th là có thật do hai bên đều thừa nhận. Tuy nhiên, về số tiền vay, các bên khai báo lại không phù hợp. Số tiền mà nguyên đơn Dụng Thanh Th yêu cầu các bị đơn phải trả lớn hơn gấp nhiều lần so với số tiền mà các bị đơn thừa nhận nợ. Các chứng cứ mà nguyên đơn Dụng Thanh Th đưa ra là các hợp đồng cho vay do nguyên đơn soạn thảo sẵn ra cho bên bị đơn ký vào. Xem xét các hợp đồng cho vay thì thấy số tiền cho vay trên các hợp đồng rất lớn, trong khoản thời gian ngắn cho vay liên tục với số tiền lên đến mấy chục tỷ đồng nhưng không hề có bất cứ một tài sản nào để bảo đảm, thủ tục vay quá

đơn giản, các giấy tờ vay đều giống nhau không thể hiện thời gian trả tiền và lãi suất bao nhiêu, số tiền cho vay trước chưa trả lại tiếp tục cho vay số tiền lớn ở các lần sau; yêu cầu đòi nợ thì mâu thuẫn, lúc thì đòi 35 tỷ đồng, lúc lại đòi 29.706.000.000 đồng (giấy vay đứng tên của bà Nguyễn Thị Huyền L) và mặt khác tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng chỉ là những hợp đồng cho vay tiền, không có nội dung giao nhận tiền, nguyên đơn không có chứng cứ nào để thể hiện bên bị đơn đã nhận tiền trên các hợp đồng vay đó, trong khi đó nguyên đơn Dụng Thanh Th khai bản thân làm việc tại ngân hàng thì lại càng phải biết rõ việc này, do vậy nguyên đơn Dụng Thanh Th căn cứ vào giấy vay tiền để đòi nợ là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do các bị đơn thừa nhận việc chót nợ của Dụng Thanh Th tính đến ngày 15/3/2016 là còn nợ số tiền 1.027.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát đối với phần này, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận.

Ngoài ra, quan hệ vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ cuối năm 2015 đến năm 2016, trước ngày 01/01/2017 là ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, do các bên tranh chấp về mức lãi nên phải áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính như sau: $1.027.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng}$ (từ 15/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 246.480.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi 0,875%/tháng là áp dụng không đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức lãi này không trái với lãi suất thỏa thuận theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 là 13,5%/năm và có lợi cho nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần này, chỉ sửa lại điều luật áp dụng.

Ngoài ra, theo lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn thì từ ngày 29/11/2016 đến ngày 01/6/2017, bị đơn đã nhiều lần chuyển trả tiền cho nguyên đơn qua tài khoản ngân hàng với số tiền 2.050.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định đó là tiền lãi của tất cả các khoản vay. Bị đơn xác định trả lãi của 04 khoản vay có số nợ gốc 1.900.000.000 đồng. Các bên đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ việc bị đơn thừa nhận số nợ 1.900.000.000 đồng, có cơ sở để xác định đây là số tiền bị đơn đã trả gốc và lãi của khoản nợ 1.900.000.000 đồng và đến nay vẫn còn nợ 1.027.000.000 đồng. Trong số tiền đã trả này có khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất do Bộ luật dân sự 2005 quy định nhưng bị đơn không đưa ra yêu cầu tính toán lại và cũng không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không thể chấp nhận kháng cáo của ông Dụng Thanh Th; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, và không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét đến.

[5] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dục Thanh Th; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB;

Căn cứ vào:

- Khoản 3, Điều 26; Điểm b, khoản 1, Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 2, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dục Thanh Th buộc ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải liên đới trả cho ông Dục Thanh Th số tiền 40.979.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dục Thanh Th, buộc ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải liên đới trả cho ông Dục Thanh Th số tiền gốc là 1.027.000.000 đồng và lãi 287.560.000 đồng. Tổng cộng 1.314.560.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười bốn triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm nếu có thỏa thuận về lãi suất hoặc 20%/năm nếu không có thỏa thuận về lãi suất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Ông Hồ Văn Nh và bà Nguyễn Thị Huyền L phải nộp 51.436.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Dục Thanh Th phải nộp 165.595.230 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.244.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015620 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án huyện

BB. Ông Th còn phải nộp 128.351.230 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Dụng Thanh Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Dụng Thanh Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Dụng Thanh Th đã nộp tại biên lai thu tiền số 0016021 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/4/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện BB;
- THADS huyện BB;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ánh Tuyết